

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

**PHÂN TÍCH VIỆC SỬ DỤNG
DANH TỪ PHÁI SINH TỪ ĐỘNG TỪ TIẾNG ANH
TRONG CÁC BÀI VIẾT HỌC THUẬT CỦA SINH VIÊN
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH, NĂM THỨ 2,
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
LÊ THỊ LAN ANH* - NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN** -
LƯƠNG HUỆ PHƯƠNG*****

TÓM TẮT: Bài viết này khảo sát việc sử dụng danh từ phái sinh từ động từ tiếng Anh (danh hoá) trong các bài viết học thuật của sinh viên năm thứ 2 chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nhằm xác định tần suất và các loại phái sinh danh từ dựa trên động từ được sinh viên sử dụng trong các bài luận học thuật. Bài viết sử dụng kết hợp hai phương pháp định tính và định lượng. Kết quả khảo sát ngẫu nhiên 60 bài luận học thuật của sinh viên năm thứ 2 chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cho thấy hiện tượng danh hóa động từ được sử dụng phổ biến trong các bài luận của sinh viên, đặc biệt là loại danh hóa từ động từ có hậu tố hiện diện. Bài viết cũng so sánh việc sử dụng danh từ hoá của sinh viên, so sánh với bài luận mẫu để chỉ ra hiệu quả của việc sử dụng danh từ phái sinh từ động từ trong bài luận học thuật của sinh viên và đề xuất các giải pháp giúp sinh viên cải thiện kỹ năng viết các bài luận này.

TỪ KHOẢ: danh từ hoá; danh từ phái sinh từ động từ; viết học thuật; hậu tố; ngôn ngữ Anh.

NHẬN BÀI: 31/01/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 17/03/2023

1. Đặt vấn đề

Trong ngôn ngữ, mỗi một từ loại đều có đặc điểm ý nghĩa và ngữ pháp riêng. Chẳng hạn, theo Lock (1996), danh từ là từ biểu thị sự vật, động từ là từ diễn tả hành động, còn tính từ miêu tả tính chất, đặc điểm của sự vật, hành động. Tuy nhiên, khi hành chức trong câu, các từ loại này có thể thay đổi đặc điểm ý nghĩa và ngữ pháp. Các động từ và tính từ vốn được dùng để miêu tả hành động và tính chất thì đã được danh từ hoá để biểu thị các sự vật. Thực tế sử dụng ngôn ngữ chứng minh danh từ hóa (hiện tượng chuyển loại từ động từ và tính từ thành danh từ) là hiện tượng phổ biến trong các ngôn ngữ. Tiếng Anh cũng không nằm ngoài quy luật đó. Vì vậy, hiện tượng này trong tiếng Anh đã được các nhà ngôn ngữ học quan tâm nghiên cứu từ những năm 60 của thế kỉ XX với những quan điểm khác nhau.

Khi giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (ĐHCNHN), chúng tôi thấy hiện tượng danh từ hóa đặc biệt là danh từ hoá động từ được sinh viên sử dụng với tần số cao trong các bài luận học thuật. Chúng tôi cũng nhận thấy đây là một yếu tố vô cùng quan trọng trong việc hình thành phong cách viết tiếng Anh trang trọng. Tuy nhiên, việc sử dụng danh từ phái sinh từ động từ trong bài viết học thuật của sinh viên đang ít được quan tâm. Vì vậy, trong bài viết này, trên cơ sở lý thuyết về danh từ hoá của Halliday và Hasan, chúng tôi lựa chọn ngẫu nhiên 60 bài viết của sinh viên năm thứ 2 chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại ĐHCNHN để khảo sát, phân tích việc sinh viên sử dụng danh từ phái sinh từ động từ, so sánh với việc sử dụng danh từ hoá trong bài luận mẫu đạt điểm 9/9 của tác giả Simon (Cựu giám khảo IELTS nổi tiếng thế giới về lĩnh vực luyện thi IELTS) từ đó chỉ ra hiệu quả của việc sử dụng hiện tượng này trong bài luận học thuật của sinh viên và đề xuất các giải pháp giúp các em cải thiện kỹ năng viết bài luận.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Hiện tượng danh từ hoá

* PGS.TS; Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: anhltl@hau.edu.vn

** Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: nguyenthiminhhuyen@dhcnhn.edu.vn

*** Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: luonghuephuong@dhcnhn.edu.vn

Như đã trình bày, hiện tượng danh từ hóa đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà ngôn ngữ học với những quan điểm, cách tiếp cận khác nhau.

Lees (1960) cho rằng đây là hiện tượng phái sinh cú pháp, trong khi sau đó Chomsky (1970) thì lại cho rằng đây là hiện tượng phái sinh từ vựng. Halliday và Matthiessen (2004) cho rằng danh từ hóa là một khía cạnh phức tạp trong ngôn ngữ viết. Nó giải thích hoặc tái tạo lại thế giới thành một nơi mà mọi thứ đều có sự liên quan đến nhau. Theo hai nhà ngôn ngữ học này, các từ loại trong tiếng Anh có mối liên quan chặt chẽ với nhau về mặt cấu trúc và nghĩa, và chúng cũng hoàn toàn có thể thay đổi dạng thức để làm thay vai trò của nhau. Theo Martin (1991), danh từ hóa là cách diễn đạt sử dụng danh từ hoặc cụm danh từ có nghĩa mà thông thường vốn được diễn đạt bằng một động từ, một tính từ hoặc cả bằng một mệnh đề. Eggins (1994) cũng đồng tình với quan điểm này khi chỉ ra rằng danh từ hóa là quá trình chuyển đổi những thứ thông thường không phải là danh từ thành danh từ, và nó đóng vai trò hoàn toàn khác trong câu. Warnock (2003, tr.140) cũng trích dẫn rằng “mọi danh từ hóa đều ẩn chứa một động từ”.

Tuy nhiên, tựu trung lại, các nhà nghiên cứu đều thống nhất coi danh từ hóa là hiện tượng một danh từ được chuyển loại từ một từ loại khác như động từ, tính từ. Ví dụ: “*I firmly believe that nuclear weapons are immoral.*” có thể diễn đạt theo cách khác, sử dụng danh từ “*belief*” thay cho động từ “*believe*” như sau “*It is my firm belief that nuclear weapons are immoral.*”.

2.2. Phân loại danh từ hóa

Khi nghiên cứu về danh từ hóa, Halliday (1994) đề cập đến hai loại danh từ hóa, đó là danh từ hóa động từ và danh từ hóa tính từ.

Hartnett (1998) đã phân loại năm loại danh từ hóa khác nhau dựa trên các hình thái của từ:

(1) những danh từ mà động từ và danh từ có cùng một dạng, còn được gọi là những danh từ *de-verbal*. Ví dụ: *to hope*.

(2) danh động từ. Ví dụ: *to clean*

(3) danh từ được thành lập bằng cách thêm một hậu tố vào động từ. Ví dụ: *to encourage - encouragement*.

(4) danh từ được thành lập từ những từ tính từ. Ví dụ: *beautiful - beauty*.

(5) danh từ được thành lập từ những động từ và động từ và danh từ có nghĩa khác nhau. Ví dụ: *to birth - birthday*.

Cũng liên quan đến phân loại danh từ hóa, Heyavert (2004) đã phân biệt ba loại như sau:

(1) Danh từ hóa ở cấp độ của từ. Ví dụ: *teacher, development*.

(2) Danh từ hóa một cấu trúc nằm giữa một từ và một mệnh đề đầy đủ. Ví dụ: *Tom's cleaning the table*.

(3) Danh từ hóa bao gồm một mệnh đề đầy đủ. Ví dụ: *That Tom cleaned the table*.

Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng quá trình danh từ hóa không chỉ liên quan đến một từ đơn lẻ mà còn liên quan đến một mệnh đề hoặc một phần của câu. Danh từ hóa có thể là hiện tượng danh từ phái sinh từ động từ nhưng cũng có thể là hiện tượng danh từ phái sinh từ tính từ. Tuy nhiên, bài viết này chúng tôi chủ yếu xem xét hiện tượng danh từ phái sinh từ động từ nên chúng tôi sẽ đi sâu trình bày về vấn đề này.

Carolyn (2004) đã nghiên cứu những danh từ được tạo ra bằng cách chuyển đổi nội tại của động từ hoặc bằng cách thêm một hậu tố vào động từ. Loại danh từ hóa này được gọi là *danh từ bắt nguồn từ động từ* và phân chia nó thành hai loại: danh từ hóa bằng cách thay đổi nội tại của động từ (*sell - sale; live - life*) hoặc bằng cách thêm hậu tố như *-al (betrayal)*, *-ance (guidance)*, *-ee (employee)*, *-ment (development)*, *-tion (prevention)*, *-ure (creature)*, *-y (mastery)* và *-yst (analyst)*.

Theo Banks (2003), có nhiều cách khác nhau để tạo ra các hình thức của danh từ từ động từ, nhưng những cách danh từ hóa này không nhất quán đối với tất cả các động từ. Do đó, ông đã phân loại ba cách để danh từ hóa một động từ:

1. Các danh từ đồng nhất về mặt hình thái với động từ gốc, ví dụ: *estimate, change, haul*.

2. Danh từ không có động từ gốc, nhưng vẫn chỉ ra một quá trình, ví dụ: *trend, occasion*.

3. Danh từ hóa có gốc là động từ nhưng không đồng nhất về mặt hình thái, ví dụ: *growth*, *translation*, *occurrence*.

Có thể thấy rõ ràng rằng trong ba loại, loại cuối cùng được tạo ra bằng cách thêm các hậu tố khác nhau là dạng phái sinh phổ biến nhất trong ngôn ngữ tiếng Anh. Theo Marchand (1969, tr.209): “*hậu tố là một hình vị ràng buộc mà trong ngữ đoạn AB chiếm vị trí B*”. Hậu tố không những có thể làm thay đổi lớp từ mà còn có thể đóng vai trò là phương tiện phân loại, có khả năng chuyển từ lớp nghĩa này sang lớp nghĩa khác. Do đó, danh từ hoá vừa có chức năng cô đọng thông tin vừa có chức năng truyền tải một lớp nghĩa nhất định.

Trong nghiên cứu này chúng tôi tập trung vào các hậu tố được thêm vào động từ để tạo thành danh từ hóa bao gồm hậu tố hiện diện, hậu tố không hiện diện (hậu tố zero) và các trường hợp danh từ hóa khác.

2.2.1. Hậu tố hiện diện

Nhìn chung, trong tiếng Anh, danh từ được phái sinh từ động từ bởi việc thêm các hậu tố kết thúc bằng: *-age*, *-al*, *-ance/-ence*, *-er/-or*, *-ery*, *-ing*, *-ion/-sion/-tion/-ation*, *-ment*, *-sis*, *-th*, và *-ure*.

(1) Hậu tố *-age*

Hậu tố *-age* được sử dụng để tạo thành các danh từ biểu thị: kết quả của một cái gì đó (ví dụ: *heritage*); quá trình (ví dụ: *passage*)

(2) Hậu tố *-al*

Hậu tố *-al* được sử dụng để tạo thành các danh từ trừu tượng biểu thị "sự thật của" (ví dụ: *removal*).

(3) Hậu tố *-ance/-ence*

Các danh từ hóa được hình thành bằng hậu tố *-ance/-ence* biểu thị: trạng thái hoặc chất lượng/điều kiện (ví dụ: *ignorance*); quy trình (ví dụ: *assistance*); kết quả của một hành động (ví dụ: *experiences*).

(4) Hậu tố *-er/-or*

Hậu tố *-er/-or* được thêm vào động từ để tạo thành danh từ cho thấy: tác nhân (người thực hiện một hành động – người thực hiện; ví dụ: *reader*); nghề nghiệp (ví dụ: *teacher*).

(5) Hậu tố *-(e)ry*

Hậu tố *-(e)ry* thường được sử dụng với các danh từ để biểu thị kết quả của quá trình (ví dụ: *recovery*).

(6) Hậu tố *-ion/-sion/-tion/-ation*

Các danh từ hóa trong *-ion/-sion/-tion/-ation* được biểu thị: trạng thái (ví dụ: *discrimination*), quá trình (*participation*); kết quả của quá trình (ví dụ: *conclusion*).

(7) Hậu tố *-ing*

Hậu tố *-ing* được thêm vào động từ để tạo thành danh từ cho thấy quy trình, kết quả của một cái gì đó, trạng thái.

(8) Hậu tố *-ment*

Hậu tố *-ment* được sử dụng để tạo danh từ đề cập đến: quá trình (ví dụ: *movement*); kết quả của một hành động (ví dụ: *achievement*); đối tượng của một hành động (ví dụ: *advertisement*); tác nhân của một hành động (ví dụ: *government*).

(9) Hậu tố *-sis*

Danh nghĩa hóa với *-sis* biểu thị quá trình (ví dụ: *analysis*).

(10) Hậu tố *-th*

Danh từ hóa được hình thành bằng hậu tố *-th* thường biểu thị: quá trình (ví dụ: *growth*); kết quả của nó (ví dụ: *birth*).

(11) Hậu tố *-ure*

Tương tự như trường hợp trước, hậu tố *-ure* được sử dụng với các danh từ để biểu thị: quá trình (ví dụ: *pressure*); kết quả (ví dụ: *failure*).

2.2.2. Hậu tố zero

Có nhiều động từ trong tiếng Anh thuộc nhiều hơn một loại từ vựng và có thể được sử dụng trực tiếp như danh từ mà không cần thêm hậu tố phái sinh. Nói cách khác, hiện tượng danh từ hoá này thay đổi chức năng của từ đó mà không thay đổi hình thức của nó. Marchand (1969) đã chỉ ra rằng các hậu tố zero có liên quan về mặt ngữ nghĩa và giống nhau về mặt hình thức nhưng thuộc về các nhóm từ loại khác nhau, đóng vai trò ngữ pháp khác nhau trong lời nói. (ví dụ: *to hope - hope, to support - support, to love - love*).

2.2.3. Các trường hợp phái sinh khác

Đây là những trường hợp không có hậu tố nào được thêm vào, tuy nhiên, hình thức chính tả được thay đổi. Ví dụ:

- *There is a common **belief** that school is responsible for this task.* (*believe* (động từ) - *belief* (danh từ))

- *Parents will be the first person to help children learn what is important in **life**, why they need to obey rules, respect others and so forth.* (*live* (động từ) - *life* (danh từ)).

Cả hai ví dụ trên cho thấy hiện tượng danh từ phái sinh từ động từ không có hậu tố nào được thêm vào, nhưng hình thức chính tả đã được thay đổi.

2.3. Vai trò của danh từ hóa và vai trò của danh từ hoá trong bài viết học thuật

2.3.1. Vai trò của danh từ hoá

Các nhà ngôn ngữ học đã phân tích nhiều khía cạnh của việc sử dụng danh từ hóa. Một trong số đó là cách tiếp cận của nhà ngôn ngữ học Lock (1996), người đã nêu ra những ưu điểm chính của danh từ hóa trong ngôn ngữ khoa học:

1. Danh từ hoá đề cập đến sự ngắn gọn, đóng gói thông tin vào một nhóm danh từ để lại phần còn lại của mệnh đề có thể thêm thông tin mới.

2. Việc bắt đầu một mệnh đề hoặc một câu bằng một nhóm danh từ sẽ dễ dàng và thiết thực hơn nhiều so với một nhóm động từ.

3. Danh từ hoá là một công cụ giúp các nhà khoa học coi các hành động là sự vật. Nó phản ánh mối quan tâm của khoa học với việc phân loại và mô tả các hiện tượng và là một điều quan trọng trong diễn ngôn khoa học.

Tóm lại, có thể nhận thấy rằng danh từ hóa là một hiện tượng phổ biến trong các văn bản viết. Việc sử dụng danh từ giúp giảm khối lượng từ trong văn bản nhưng vẫn truyền tải được thông tin đầy đủ, súc tích trong diễn ngôn bằng văn bản và các bài phát biểu chính trị.

2.3.2. Vai trò của danh từ hóa trong bài viết học thuật

Danh từ hóa là một tính năng không thể thiếu của văn bản học thuật tiếng Anh. Nó không chỉ giúp người viết tạo ra sự đa dạng trong bài viết mà còn giúp họ tránh lặp từ. Sử dụng danh từ phái sinh từ động từ là một kỹ năng hữu ích cần có trong bài viết học thuật, giúp truyền tải một giọng điệu khách quan. Nó cũng có thể làm cho văn bản ngắn gọn hơn bằng cách gói gọn nhiều thông tin vào chỉ một vài từ. Do đó, với việc sử dụng danh từ hóa, bài viết học thuật sẽ trở nên khách quan, ngắn gọn, súc tích và có văn phong trang trọng hơn.

Chính vì có vai trò quan trọng như vậy trong các bài viết học thuật nên trong tiêu chí chấm của bài thi viết IELTS định hướng học thuật, có 4 tiêu chí để tính điểm của thí sinh bao gồm sự hoàn thành bài, sự mạch lạc và liên kết ý, từ vựng, ngữ pháp thì danh từ hóa được coi là một tiêu chí quan trọng. Phần mô tả thang điểm của bài thi viết IELTS cho thấy rằng bài viết chứa một lượng từ vựng phong phú với khả năng kiểm soát các đặc điểm từ vựng rất tự nhiên và tinh vi và sắp xếp thông tin theo trình tự một cách logic có thể đạt được mức điểm cao (từ 7.0 trở lên) tương ứng với bậc thứ 5 trên tổng số 6 bậc (bậc cao cấp) của khung CEFR. Valeika (1985) khẳng định rằng, danh từ hóa vốn là một hiện tượng quan trọng trong hệ thống ngôn ngữ, là một phần nhỏ nhưng có ý nghĩa quan trọng trong sự gắn kết từ vựng-ngữ pháp. Hơn nữa, một phân tích so sánh kiểm tra hai bài thi viết IELTS của thang điểm 7 và thang điểm 5 về mặt danh từ hóa (Đại học Tasmania, Úc, 2013) đã kết luận rằng, càng nhiều danh từ phái sinh xuất hiện trong bài thi thì bài viết càng cô đọng, súc tích và mang tính học thuật hơn. Do đó, danh từ hóa là một điểm nhấn trong các bài viết học thuật. Nhiều nhà nghiên cứu chia sẻ quan điểm này. Chang Qing (2014) coi danh từ hóa như một công cụ cho ẩn

dự ý niệm thuộc về ẩn dụ ngữ pháp trong nghiên cứu “Danh từ hóa trong viết tiếng Anh đại học”. Vaida Sarnackaite (2011) cho rằng hiện tượng danh từ hóa tạo nên tính liên kết trong văn bản.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, dữ liệu thu thập về là tần suất sử dụng danh từ phái sinh từ động từ, cụ thể là danh hóa có hậu tố hiện hữu, hậu tố zero và các trường hợp khác. Từ đó so sánh với tần suất sử dụng danh từ phái sinh từ động từ trong bài luận mẫu đạt điểm 9/9 của tác giả Simon (Cựu giám khảo IELTS nổi tiếng thế giới về lĩnh vực luyện thi IELTS) để chỉ ra tính hiệu quả của việc sử dụng danh từ hoá trong bài viết học thuật của sinh viên. Do đó, chúng tôi kết hợp phương pháp định tính và định lượng để tiến hành nghiên cứu. Phương pháp phân tích định tính giúp phân tích hiện tượng sử dụng danh từ phái sinh từ động từ. Phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng trong nghiên cứu này để đếm số lần danh từ phái sinh từ động từ xuất hiện trong các bài viết học thuật của sinh viên. Đối tượng tham gia nghiên cứu này là 60 sinh viên năm thứ 2, chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại ĐHCNHN với chuẩn đầu ra của môn học Kỹ năng Viết trong kì học này là B2 - tương ứng với bậc thứ 4 trên tổng số 6 bậc (bậc Trung cao cấp) của khung CEFR.

Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành các bước sau:

1. Đầu tiên, thu thập ngẫu nhiên 60 bài luận trình bày quan điểm có độ dài tối thiểu 250 từ từ 60 sinh viên.

2. Thứ hai, những bài luận này được phân tích để chỉ ra tần suất sử dụng danh từ hóa. Tổng số câu được tính dựa trên dấu chấm câu và tần suất của danh từ hóa thu được thông qua việc chia danh từ phái sinh cho tổng số từ trong văn bản.

3. Thứ ba, số lượng và tần suất sử dụng danh từ hoá trong bài luận của sinh viên được so sánh với số lượng và tần suất danh từ hoá được sử dụng trong bài luận mẫu đạt điểm 9/9 của tác giả Simon.

3. Thứ tư, tính toán, phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả và đặt theo tỉ lệ phần trăm các danh từ hóa phái sinh từ động từ được phân loại theo ba loại phổ biến: hậu tố hiện diện, hậu tố zero và các trường hợp danh từ hóa động từ khác.

4. Cuối cùng, dựa trên tất cả các dữ liệu thu thập được, kết luận về tần suất và hiệu quả của việc sử dụng danh từ hóa.

4. Kết quả và bàn luận

4.1. Tần suất xuất hiện của danh từ hoá trong bài viết học thuật của sinh viên và bài luận mẫu

Khảo sát bài 60 bài viết học thuật của sinh viên năm thứ 2 chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại ĐHCNHN và so sánh với bài viết mẫu đạt điểm 9 của giám khảo về hiện tượng danh từ hoá, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 1. Danh từ hoá trong các bài viết học thuật của sinh viên và bài viết mẫu của giám khảo

	Bài viết mẫu của giám khảo	Bài viết của sinh viên
Tổng số từ trung bình	263	285
Tổng số danh từ hoá	15	8
Tần suất sử dụng danh từ hoá	1/18	1/36
Tổng số danh từ phái sinh từ động từ	13	7
Tỉ lệ danh từ phái sinh từ động từ	72%	88%

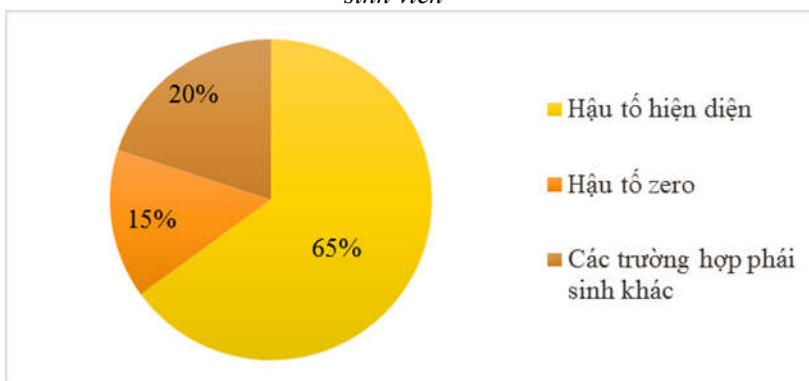
Theo kết quả phân tích, tổng số danh từ hoá được sử dụng trong bài luận mẫu (điểm 9) cao gần gấp đôi so với số lượng danh từ hoá trung bình trong các bài viết của sinh viên. Cụ thể, cứ mỗi 18 từ trong bài luận mẫu sẽ xuất hiện một danh từ hoá, và trung bình cứ mỗi 36 từ sinh viên sử dụng sẽ có 1 danh từ hoá. Có thể thấy tần số sử dụng danh từ hoá trong các bài viết học thuật của sinh viên không cao nhưng hầu hết các trường hợp danh từ hoá đều là trường hợp danh từ phái sinh từ động từ

(chiếm tỉ lệ 88%). Đây chính là cơ sở để chúng tôi triển khai nghiên cứu này. Kết quả cũng chỉ ra rằng mức độ sử dụng danh hóa tăng lên ở các cấp độ viết. Điểm bài viết càng cao, tần suất sử dụng danh từ hoá càng nhiều. Nói cách khác, phát hiện chỉ ra rằng giám khảo thể hiện khả năng ngôn ngữ cao hơn trong việc sử dụng danh từ so với sinh viên.

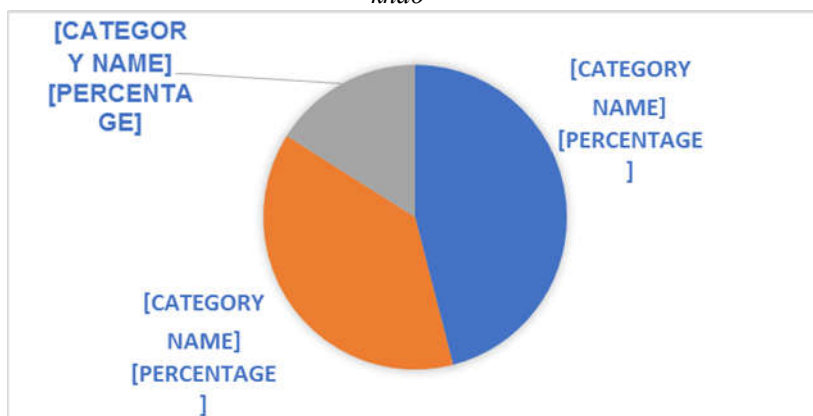
4.2. Tần suất của các loại danh từ phái sinh từ động từ trong bài viết học thuật của sinh viên và bài luận mẫu

Tiến hành khảo sát 60 bài viết học thuật của sinh viên năm thứ 2 chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại ĐHCNHN và bài viết mẫu đạt điểm 9 của giám khảo về các loại danh từ phái sinh từ động từ, chúng tôi có kết quả như sau:

Biểu đồ 1. Tần suất của các loại danh từ được phái sinh từ động từ trong bài viết học thuật của sinh viên



Biểu đồ 2. Tần suất của các loại danh từ được phái sinh từ động từ trong bài viết mẫu của giám khảo



Nhìn vào biểu đồ trên, có thể thấy hậu tố hiện diện là nhóm chiếm ưu thế, được cả sinh viên và giám khảo sử dụng để danh hóa động từ. Nó chiếm khoảng 65% trong tổng số 60 bài viết học thuật của sinh viên và 46% trong bài viết mẫu của giám khảo. Tuy nhiên, có một sự khác biệt giữa việc sử dụng hậu tố zero và các trường hợp phái sinh khác trong các bài viết này. Tần suất xuất hiện của hậu tố zero trong bài viết mẫu cao hơn các trường hợp phái sinh khác nhưng thấp hơn các trường hợp phái sinh khác trong bài viết của sinh viên. Hơn nữa, trong khi giám khảo sử dụng đa dạng các loại danh từ hóa, trong một số bài viết, sinh viên hầu như không sử dụng loại nào khác ngoài hậu tố hiện diện. Trong các bài viết của sinh viên, tần suất xuất hiện của hậu tố zero ít nhất trong 3 loại, chỉ với 15%, thậm chí trong một số bài viết của sinh viên hậu tố zero không xuất hiện. Các trường hợp phái sinh khác nhiều hơn hậu tố zero nhưng cũng không đáng kể, chỉ chiếm hơn 1/3 hậu tố hiện diện.

Các hậu tố khác nhau được thêm vào động từ và chúng mang lại một ý nghĩa nhất định cho danh từ mới được tạo ra. Số lượng danh từ hóa cũng tương ứng với ý nghĩa của chúng. Do đó, trong nghiên cứu này, các danh từ phái sinh diễn tả “quá trình của hành động” chiếm ưu thế so với các nhóm khác.

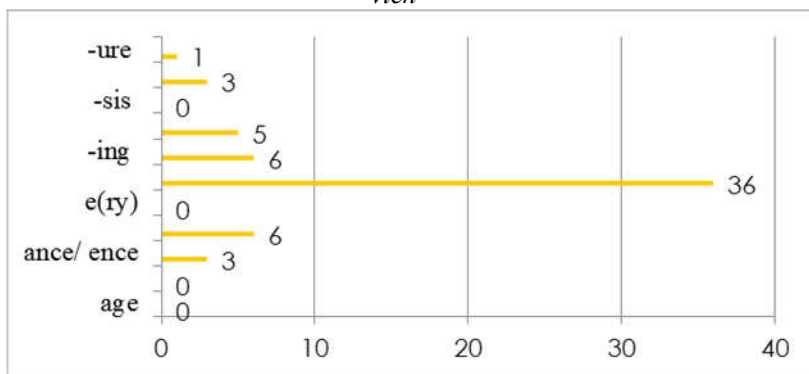
4.3. Phân tích hiện tượng danh từ chuyển hoá từ động từ trong bài viết học thuật của sinh viên

Bảng 2. Danh từ phái sinh từ động từ trong bài viết học thuật của sinh viên

Các loại danh từ phái sinh từ động từ	Danh từ phái sinh từ động từ trong bài viết học thuật của sinh viên
Hậu tố hiện diện:	
1. -age	
2. -al	
3. -ance/ -ence	assistance, importance, guidance
4. -er/-or	trainer, educator, behavior, teacher, guider, instructor
5. -(e)ry	
6. -ion/ -sion/ -tion/ -ation	education, motivation, preparation, conclusion, regulation, interruption, interaction, communication, information, imitation, direction, explanation, generation, obligation, action, organization, institution, instruction, solution, relation, connection, qualification, attention, location, protection, situation, regulation, addition, formation, orientation, determination, comprehension, reaction, combination, competition, action
7. -ing	teaching, educating, avoiding, training, raising, learning
8. -ment	development, entertainment, argument, improvement, basement
9. -sis	
10. -th	growth, truth
11. -ure	miniature
Hậu tố không hiện diện:	view, impact, influence, effect, benefit, concern, result, experience
Các trường hợp phái sinh khác:	belief, knowledge, activity, obedience, life.

Sinh viên đã sử dụng nhiều loại hậu tố khác nhau để danh hoá động từ và tần suất danh từ hoá từ các hậu tố này cũng khác nhau. Tần suất tương đối được trình bày trong bảng 3 dưới đây:

Biểu đồ 2. Tần suất của các hậu tố hình thành danh từ từ gốc động từ trong bài viết của sinh viên



Trong khi các hậu tố *-ion/-sion/-tion/-ation* xuất hiện nhiều nhất (36 lần) thì các hậu tố *-sis, -ery, -al, -age* không xuất hiện trong bài viết của sinh viên. Ví dụ:

*"This issue takes a lot **attention** from mature people on who will take responsibility for **instruction**."* (Trích từ bài viết của Lê Ngân Hà)

*"Moreover, both mothers and fathers continuously pay a full **attention** to children's behaviors in order to give an immediate **correction** and **orientation**."* (Trích từ bài viết của Phạm Thị Thu Hiền)

*"That is, when their friends obey **regulations**, naturally, they will perform similarly."* (Trích từ bài viết của Lê Thị Phương Giang).

Các hậu tố tương đối phổ biến khác là *-er/or, -ing* với 6 lần xuất hiện, và *-ment* với 5 lần xuất hiện:

*"Beside, most of children imitate their parents' **behavior** and attitude; hence, parents have essential rose in teaching children."* (Trích từ bài viết của Hoàng Thị Hằng)

*"**Teaching** children is probably the responsibility of parents."* (Trích từ bài viết của Nguyễn Thị Chiên)

*"They are put in an **environment** where they can compare themselves with each other in terms of academic results, athletic **achievement**, and curricula activities."* (Trích từ bài viết của Lưu Thị Hương).

Một số ít các danh từ phái sinh dựa trên động từ có các hậu tố *-ance/ence* và *-th* với 3 lần xuất hiện. Hậu tố là *-ure* cũng ít được sử dụng khi chỉ xuất hiện 1 lần.

*"Nurturing children to become well-manner citizens is inevitably of a lot of **importance** and take a lot of effort."* (Trích từ bài viết của Nguyễn Hương Giang)

*"In stark contrast, I believe that school offers children nothing less than a true version of society in **minimature**."* (Trích từ bài viết của Lưu Thị Hương).

Vì danh từ hóa dựa trên động từ được hình thành từ gốc động từ nên không có gì ngạc nhiên khi danh từ hóa miêu tả 'quá trình' đang chiếm ưu thế.

5. Kết luận và kiến nghị

Phân tích cho thấy rằng người sử dụng tiếng Anh ở trình độ thấp ít sử dụng danh từ hóa trong bài viết của mình. Điểm tương đồng chủ yếu giữa bài viết của sinh viên và bài viết mẫu của giám khảo là xu hướng sử dụng danh từ phái sinh từ động từ. Kết quả này cũng xác nhận rằng danh từ phái sinh từ động từ sử dụng hậu tố hiện diện có tần suất xuất hiện vượt trội hơn các loại khác, và danh từ phái sinh từ động từ khiến cho văn bản trừu tượng, trang trọng hơn.

Trong 4 kỹ năng, kỹ năng viết được coi là kỹ năng khó nhất đối với người học vì đây là một quá trình phức tạp sử dụng các cấu trúc ngữ pháp để truyền đạt ý tưởng của người viết một cách hiệu quả (Byrne, 1988). Hơn nữa, vì nội dung được trình bày rất dày đặc, kết quả của nghiên cứu này chứng minh rằng sinh viên có thể đạt điểm cao hơn nếu họ sử dụng nhiều danh từ hóa hơn trong bài viết của mình. Do đó, việc phát triển nhận thức của học sinh về danh từ hóa trong bài viết học thuật là rất quan trọng trong việc giảng dạy tiếng Anh. Nói cách khác, việc dạy danh từ hóa cho sinh viên học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ là vô cùng quan trọng. Như đã được công nhận trong các văn bản học thuật và diễn ngôn khoa học, danh từ hóa có ảnh hưởng rất lớn đến cấp độ và văn phong của văn bản, vì vậy dạy khái niệm này cho sinh viên sẽ giúp sinh viên điều chỉnh phong cách viết của mình Wang (2008). Hơn nữa, sử dụng danh từ hóa sẽ làm cho bài viết của sinh viên mạch lạc, súc tích và trang trọng hơn, điều này rất hữu ích trong quá trình học ngôn ngữ của sinh viên. Tóm lại, danh từ hóa cần được quan tâm nhiều hơn trong chương trình giảng dạy tiếng Anh nói chung, trong học phần viết nói riêng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Banks, D., (2003), *The Evolution of Grammatical Metaphor in Scientific writing*. In: Vandenberg, A. M. S. & L. Ravelli, L. (eds.). *Grammatical metaphor. Views from Systemic Functional Linguistics*. Amsterdam: John Benjamins, pp.125-147.

2. Carolyn, G. H. (2004), *What Should We teach about the Paradoxes of English Nominalization?* In A. F. Joseph (Ed.), *Language, Education and Discourse: Functional Approaches* (pp. 174- 190). Great Britain: MPG Books Ltd, Bodmin, Cornwall.
3. Chang Q. (2014), *Nominalization in College English Writing*. International conference ITC for Language learning.
4. Chomsky, N. (1970), “*Remarks on Nominalization*”. In: Jacobs, R. and Rosenbaum, P. (eds)
5. Eggins, S. (1994), *An introduction to systemic functional linguistics*. London: Pinter.
6. Halliday, B.F (2000), *An introduction to functional grammar*, Beijing: Foreign language teaching and researching press.
7. Halliday, M. A. K. (1994), *An introduction to functional grammar (2nd ed.)*. London: Edward Arnold.
8. Halliday, M. A. K., & Martin, J. R. (1993), *Writing Science: Literacy and Discursive Power*. London and Washington: Palmer.
9. Halliday, M. A. K., & Matthiessen, C. M. I. M. (2004), *An introduction to functional grammar (3rd ed.)*. London: Arnold.
10. Hartnett, C. G. (1998, October), *English nominalization paradoxes*. Paper presented at the Linguistic Association of the Southwest Conference, Tempe, AZ.
11. Lees, R. B. (1960), *The grammar of English Nominalizations*. The Hague: Moutn.
12. Lock, G., (1996), *Functional English Grammar*. Cambridge: Cambridge University Press.
13. Marchand, H., (1969), *The Categories and Types of Present-day English Word-formation*. In: Balteiro, I., (2007), *A Contribution to the Study of Conversion in English*. Germany: Waxmann, p. 37.
14. Martin, J. R., (1991), *Nominalization in Science and Humanities: Distilling Knowledge and Scaffolding Text*, in Ventola, E. (ed.). *Functional and Systematic Linguistics: Approaches and Uses*. Berlin and New York: Mouton de Gruyter, pp.307-337.
15. Vaida S. (2001), *Nomialization as a cohesive device in political discourse* [Unpublished bachelor’s thesis]. Šiauliai University.
16. Valeika, L., (1985), *An Introductory Course in Semantic Syntax*. Vilnius: Vilnius Pedagogical University Press.
17. Warnock, J. P., (2003), *Effective Writing*. United States of America: Parlor Press.

**An analysis of verb-based nominalization in academic writing
by second-year English majors at Hanoi University of Industry**

Abstract: This paper investigates nominalization in academic writing of 2nd-year English majors at Hanoi University of Industry in comparison with a model essay by the examiner Simon. The study aims to identify the frequency of nominalization employed in these texts and the distribution of verb-based nominalization. The study also looks at the usage of verb-based nominalization in terms of its derivation. A mix of qualitative and quantitative method is used to conduct this research and the result shows that verb-based nominalization is mainly used, especially the verb-based nominalization with material suffixes. Conclusions are drawn from the finding that nominalization packed the information the text and make it denser and difficult to read.

Key words: nominalization; verb-based; writing academic; suffix; English.